

Số: 3323//QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 30 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát đơn giản hoá thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 207/TTr-SVHTTDL ngày 10 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./.*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, PVHCC.

Munt

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-UBND
ngày / /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
A. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ sửa đổi, bổ sung

TT	Tên TTHC nội bộ	Tên VBQPPL quy định	Lĩnh vực	Cơ quan Giải quyết
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH				
1	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu”	- Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ - Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định - Quyết định số 60/2024/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai (cũ)	Văn hóa cơ sở	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

B. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VB quy định việc bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH				
1	Thành lập Ban quản lý di tích quốc gia đặc biệt		Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng III.	Quyết định 2123/QĐ-UBND ngày 8/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Nghệ thuật biểu diễn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
3	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng II.		Nghệ thuật biểu diễn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
4	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng I.		Nghệ thuật biểu diễn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
5	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng III.		Nghệ thuật biểu diễn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
6	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng II.		Nghệ thuật biểu diễn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
7	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng I.		Nghệ thuật biểu diễn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
8	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng III.		Di sản Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VB quy định việc bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
9	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng II.		Di sản Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
10	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng I.		Di sản Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
11	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng III.		Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
12	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng II.		Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
13	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hóa hạng III.		Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
14	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hóa hạng II.		Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
15	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên.		Thể dục thể thao	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
16	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên chính.		Thể dục thể thao	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
17	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Họa		Mỹ thuật	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VB quy định việc bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
	sỹ hạng III.			quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
18	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Họa sỹ hạng II.		Mỹ thuật	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
19	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Họa sỹ hạng I.		Mỹ thuật	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
20	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng III.		Thư viện	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
21	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng II.		Thư viện	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
22	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng I.		Thư viện	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
23	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Tuyên truyền viên văn hóa trung cấp lên Tuyên truyền viên văn hóa		Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
24	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Tuyên truyền viên văn hóa lên Tuyên truyền viên văn hóa chính.		Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
25	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành biên tập viên lên chức danh nghề nghiệp biên tập		Báo chí	Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VB quy định việc bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
	viên hạng II - Mã số: V.11.01.02			
26	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành biên tập viên lên chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng I - Mã số: V.11.01.01		Báo chí	Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức
27	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành phóng viên lên chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng II - Mã số: V.11.02.05		Báo chí	Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức
28	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành phóng viên lên chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng I - Mã số: V.11.02.04		Báo chí	Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức
29	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành biên dịch viên lên chức danh nghề nghiệp biên dịch viên hạng II - Mã số: V.11.03.08		Báo chí	Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức
30	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành biên dịch viên lên chức danh nghề nghiệp biên dịch viên hạng I - Mã số: V.11.03.07		Báo chí	Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức
31	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành đạo diễn truyền hình lên chức danh nghề nghiệp đạo diễn truyền hình hạng II - Mã số: V.11.04.11		Báo chí	Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức
32	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành đạo diễn truyền hình lên chức danh nghề nghiệp đạo diễn truyền hình hạng I - Mã số: V.11.04.10		Báo chí	Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức
33	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành âm		Báo chí	Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VB quy định việc bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
	thanh viên lên chức danh âm thanh viên hạng III - Mã số: V11.09.25			
34	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành âm thanh viên lên chức danh âm thanh viên hạng II - Mã số: V11.09.24		Báo chí	Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức
35	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành âm thanh viên lên chức danh âm thanh viên hạng I - Mã số: V11.09.23		Báo chí	Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức
36	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành phát thanh viên lên chức danh phát thanh viên hạng III - V11.10.29		Báo chí	Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức
37	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành phát thanh viên lên chức danh phát thanh viên hạng II - V11.10.28		Báo chí	Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức
38	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành phát thanh viên lên chức danh phát thanh viên hạng I - V11.10.27		Báo chí	Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức
39	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành kỹ thuật dựng phim lên chức danh kỹ thuật dựng phim hạng III - Mã số: V11.11.33		Báo chí	Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức
40	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành kỹ thuật dựng phim lên chức danh kỹ thuật dựng phim hạng II Mã số: V11.11.32		Báo chí	Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức
41	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành kỹ thuật dựng phim lên chức danh kỹ thuật dựng		Báo chí	Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VB quy định việc bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
	phim hạng I - Mã số: V11.11.31			
42	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành quay phim lên chức danh quay phim hạng III - Mã số: V11.12.37		Báo chí	Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức
43	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành quay phim lên chức danh quay phim hạng II - Mã số: V11.12.36		Báo chí	Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức
44	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành quay phim lên chức danh quay phim hạng I - Mã số: V11.12.35		Báo chí	Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

Thủ tục xét tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu”

1. Trình tự thực hiện:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Báo cáo thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức họp Hội đồng thi đua - khen thưởng cùng cấp để đánh giá, quyết định danh sách xã, phường, đặc khu đủ điều kiện đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu”; công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị hoặc các hình thức khác (nếu có) để lấy ý kiến người dân trong thời hạn 10 ngày.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 86/2023/NĐ-CP của Chính phủ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

d) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tặng danh hiệu.

2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp, trực tuyến hoặc qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và D.

3. Thành phần hồ sơ:

a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu”;

b) Báo cáo thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu”;

c) Biên bản họp bình xét danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu”.

4. Số lượng hồ sơ: Không quy định

5. Thời hạn giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

6. Đối tượng thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã

7. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

8. Kết quả giải quyết: Quyết định tặng danh hiệu và bằng chứng nhận “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu”

9. Phí, lệ phí: Không quy định

10. Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” (theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục IV, Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ);

- Báo cáo thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” (Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục IV, Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ);

- Biên bản họp bình xét danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” (Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục IV, Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ).

11. Yêu cầu, điều kiện: Không quy định

12. Căn cứ pháp lý:

- Luật Thi đua, khen thưởng;

- Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng

- Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

- Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 12/7/2024 ban hành Quy định chi tiết tiêu chuẩn, cách thức đánh giá, bình xét danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Quyết định 60/2024/QĐ-UBND ngày 11/11/2024 của UBND tỉnh Gia Lai Quy định chi tiết tiêu xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-UBND

.....(1)...., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH**Về việc đề nghị xét tặng danh hiệu****“Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” năm(2)....**

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và việc xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;

Căn cứ Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 12/7/2024 ban hành Quy định chi tiết tiêu chuẩn, cách thức đánh giá, bình xét danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Xét thành tích của xã/phường/thị trấn(3).... và Biên bản họp xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” năm ... (2) .. ngày ... tháng ... năm ... của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh ... (4)....,

Kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ...(5)... xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” năm ... (2) cho các đơn vị có tên sau đây:

STT	Tên xã/phường/thị trấn	Thành tích

*(Kèm theo Tờ trình: Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và kết quả bỏ phiếu của đơn vị trình khen; báo cáo thành tích).***Nơi nhận:**

UBND ...;

Ban TĐKT ...;

- Lưu: VT, ...(.).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN ...(4)...*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)***Ghi chú:**

(1) Địa danh nơi đơn vị trình khen đóng trụ sở chính.

(2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

(3) Tên xã/phường/thị trấn được xét tặng danh hiệu văn hóa.

(4) Tên cơ quan đề nghị.

(5) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành quyết định tặng danh hiệu văn hóa.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG**

...(3)...

Số: _____/BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

...(1)....., ngày tháng năm

BÁO CÁO THÀNH TÍCH

Đạt danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” năm(2)....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và việc xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;

Căn cứ Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2024 ban hành Quy định chi tiết tiêu chuẩn, cách thức đánh giá, bình xét danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Quyết định 60/2024/QĐ-UBND ngày 11/11/2024 của UBND tỉnh Gia Lai Quy định chi tiết tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Xã/Phường/Thị trấn(3).... báo cáo những thành tích đã đạt được trong năm ...(2)...., cụ thể như sau:

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

Nêu rõ đặc điểm, tình hình, thuận lợi, khó khăn của xã/phường/thị trấn ...(3).... đề nghị xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” năm ...(2) ...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Nêu rõ những thành tích xã/phường/thị trấn ...(3).... đạt được trong năm ...(2).... theo các tiêu chuẩn của danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.

Nơi nhận:

UBND ...;

HĐ TĐKT ...;

Lưu: VT, ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN

.... (4) ... CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Địa danh nơi đơn vị trình khen đóng trụ sở chính.
- (2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu”.
- (3) Tên xã/phường/thị trấn được xét tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu”.
- (4) Tên cơ quan đơn vị đề nghị.
- (5) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....(1)...., ngày tháng năm

BIÊN BẢN HỌP
Hội đồng thi đua tỉnh
về việc xét, đề nghị tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” Năm...(2)

Thời gian: giờ phút, ngày tháng năm

Địa điểm:(5).....

Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh(3)..... tiến hành họp bình xét, đề nghị tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” năm ...(2)....

Chủ trì cuộc họp:..... Thư ký cuộc họp: Các thành viên tham dự (vắng.....), gồm:

1. Chức vụ
2. Chức vụ
3. Chức vụ

Sau khi nghe Chủ tịch Hội đồng Thi đua, khen thưởng quận/huyện/thị xã(3).....phổ biến tiêu chuẩn, điều kiện và tóm tắt thành tích của các xã, phường, thị trấn đủ điều kiện xét tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” năm ...(2); các thành viên tham dự họp thảo luận, biểu quyết (hoặc bỏ phiếu kín).Kết quả:...% thành viên dự họp nhất trí đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận/huyện/thị xã/thành phố (3) ... trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... (4)...ban hành quyết định tặng danh hiệu“Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” năm ..(2) cho các đơn vị có tên sau:

STT	Xã, phường, đặc khu	Thành tích

Cuộc họp kết thúc vào hồigiờphút, ngày ... tháng...năm..

THƯ KÝ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Địa danh nơi đơn vị trình khen đóng trụ sở chính.
- (2) Năm đề nghị tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”.
- (3) Tên cơ quan, đơn vị đề nghị.
- (4) Tên tỉnh/thành phố ban hành quyết định tặng danh hiệu “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu”.
- (5) Địa điểm diễn ra cuộc họp.